

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

Bản án số: 43/2022/HSST

Ngày: 10/5/2022.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T H.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị L.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T V – Thư ký toà án.

Đại diện VKSND huyện K: Bà Đặng Thị H1 - KSV.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2022/TLST-HS, ngày 08/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1997; HKTT: thôn L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Đỗ Thị C; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Nhân thân:

+ Ngày 31/01/2019, bị Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Hủy hoại hoặc Cố ý làm hư hỏng tài sản” của người khác.

+ Ngày 17/7/2020, bị Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”.

D bị tạm giam từ ngày 20/11/2021 đến ngày 17/12/2021 thì được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

***/ Người bị hại:** Bà Nguyễn Thị L2 sinh năm 1950 ở thôn L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

***/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đỗ Nho C1, sinh năm 1986; Trú tại: thôn M, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1991; Trú tại: thôn Hồng Thái, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Anh Đỗ Đình C2, sinh năm 2004; Trú tại: thôn M, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1973; Trú tại: thôn L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; (Có mặt tại phiên tòa).

5. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1973; Trú tại: thôn L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do biết bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1950 ở thôn L1, xã Đ, huyện K ở nhà một mình nên Nguyễn Văn D ở cùng thôn nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà L2 chiếm đoạt tài sản. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 20/11/2021, D mang theo 01 tua vít và 01 điện thoại Nokia 1280 đi bộ đến nhà bà L2. Thấy cửa cổng phía trước khóa nên D trèo qua tường rào phía sau để vào nhà rồi đi đến cửa hậu. D dùng tua vít xoay một con ốc trên cánh cửa tôn và bẩy một phần cửa tôn ra. Sau đó D thò tay phải vào bên trong, kéo then cài để mở cửa đi vào trong bếp thì phát hiện có một đôi giày nên đã rút hai sợi dây của đôi giày ra. D tiếp tục đi vào phòng khách lục lọi nhưng không lấy được tài sản gì nên đi vào phòng ngủ thì bị bà L2 phát hiện và kêu lên “Ồ”. Ngay lúc đó, D đè lên người bà L2, dùng hai tay bóp vào miệng, cổ của bà L2 để bà không kêu được. Lúc này, bà L2 giãy dụa, dùng miệng cắn vào ngón tay trở bàn tay trái của D khiến tay D chảy máu. D tức giận nên dùng tay phải đâm một phát vào má, một phát vào gáy của bà L2 và nói: “Mày kêu lên, bố đâm chết”. D đè bà L2 xuống giường rồi dùng hai sợi dây giày trói ngược hai tay của bà L2 ra sau lưng, lấy hai vỏ gối trên giường một cái nhét vào miệng và một cái đội lên đầu bà L2 để bà L2 không kêu được và không nhận dạng được D. D quát: “Tiền vàng của mày đâu, đưa đây không bố mày giết chết”. Bà L2 sợ hãi nói: “Tiền tôi để trên nóc tủ tôn ý”. D tìm trên nóc tủ tôn thì thấy một ví màu nâu xám bên trong có 1.437.000đ nên lấy toàn bộ số tiền trên rồi vứt ví xuống đất. Sau đó, D phát hiện ở gầm cầu thang có một chiếc két bạc nên quay lại hỏi bà L2 mật khẩu thì bà L2 bảo D tìm trong quyển sổ ở phòng khách. D xốc nách bà L2 ra tủ tìm sổ rồi ra nơi để két bạc. Sau đó, D cởi trói tay cho bà L2 và bắt bà L2 cho tay về phía trước để trói lại, D kéo vỏ gối trùm đầu bà L2 lên để bà L2 mở két bạc nhưng bên trong không có tài sản nên lại dẫn bà L2 ra giường. Lúc này D thấy có 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus đặt trên nóc quạt hơi nước nên cầm chiếc điện thoại và yêu cầu bà L2

cung cấp mật khẩu. Bà L2 sợ nên khai mật khẩu là 6 số 6. D mở khóa điện thoại rồi cất vào trong túi quần đang mặc. Sau đó, D lấy con dao trên nóc quạt hơi nước cắt dây trói cho bà L2 và tẩu thoát ra ngoài theo lối cũ.

Khoảng 07 giờ ngày 20/11/2022, D làm rơi chiếc điện thoại Iphone 6 Plus của bà L2 xuống rìa sông Mươi thuộc địa phận xã Đ, huyện K. Số tiền chiếm đoạt của bà L2, D sử dụng để trả cho anh Đỗ Đình C2, sinh năm 2004 ở thôn M, xã T1 1.000.000đ, trả cho anh Đỗ Nho C1, sinh năm 1986 ở thôn M, xã T1 200.000đ, mua của chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1991 ở thôn H2, xã Đ, huyện K băng dán vết thương hết 7.000đ, còn lại là 230.000đ D giữ trong người.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 83 ngày 16/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Chiếc điện thoại Iphone 6 Plus, màu vàng có giá trị là 1.575.000đ.

Về vật chứng: Khám xét chỗ ở của D, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 tua vít, 01 điện thoại Nokia 1280. Bà L2 tự nguyện giao nộp 02 vỏ gối, 04 đoạn dây buộc giày và 01 con dao; Anh Đỗ Đình C2 giao nộp số tiền 1.000.000đ, anh Đỗ Nho C1 giao nộp số tiền 200.000đ; D giao nộp số tiền 230.000đ cho Cơ quan điều tra Công an huyện K, ngoài ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm được chiếc điện thoại Iphone 6 Plus tại rìa sông Mươi.

Ngày 20/11/2021, Cơ quan điều tra đã trao trả bà L2 01 điện thoại Iphone 6 Plus và số tiền 1.430.000đ; 01 chiếc tua vít, 01 điện thoại Nokia 1280, 04 đoạn dây buộc giày và 02 vỏ gối, 01 con dao được xác định là những đồ vật, tài sản có liên quan đến hành vi phạm tội của D nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng, chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho bà L2 số tiền 1.000.000đ, bà L2 không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 39/CT – VKSKC, ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố D về tội: “Cướp tài sản” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của BLHS2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

[1] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội: “Cướp tài sản”; Đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 38 của BLHS năm 2015; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015; Đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K còn đề xuất đường lối xử lý về trách nhiệm dân sự và vật chứng.

[2]. Bị cáo D thừa nhận diễn biến hành vi được mô tả trong bản cáo trạng số 39/CT – VKSKC, ngày 07/4/2022 là hoàn toàn đúng, bị cáo không bổ sung gì thêm. Được nói lời sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét xử bị cáo mức án thấp nhất.

[3]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt là ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Đỗ Thị C trình bày: Sau khi phạm tội, bị cáo D thấy ăn năn nên nhờ ông bà thay bị cáo khắc phục hậu quả. Theo đó, ông Đ1, bà C đã tự nguyện bồi thường cho bà L2 1.000.000đ và không yêu cầu D phải trả lại cho ông, bà số tiền trên.

[4]. Người bị hại bà Nguyễn Thị L2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Nho C1, chị Nguyễn Thị Q, anh Đỗ Đình C2 đều đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS năm 2015: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại Cơ quan điều tra Công an huyện và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo D thừa nhận có nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà L2 từ 02 đến 03 ngày trước đó nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, nếu có bị phát hiện sẽ uy hiếp bà L2 nhằm chiếm đoạt tài sản để tiêu sài cá nhân. Với ý định đó, khoảng 01 giờ 30 phút ngày 20/11/2021, D mang theo 01 tua vít và 01 điện thoại Nokia 1280 đi bộ đến nhà bà L2. Thấy cửa cổng phía trước khóa nên D trèo qua tường rào phía sau để vào nhà rồi đi đến cửa hậu. D dùng tua vít xoay một con ốc trên cánh cửa tôn và bẩy một phần cửa tôn ra. Sau đó D thò tay phải vào bên trong, kéo then cài để mở cửa đi vào trong bếp thì phát hiện có một đôi giày nên đã rút hai sợi dây của đôi giày ra. D tiếp tục đi vào phòng khách, phòng bếp lục lọi nhưng

không lấy được tài sản gì nên đi vào phòng ngủ thì bị bà L2 phát hiện. Ngay lúc đó, D đã có hành vi: Đe dọa người bà L2, dùng hai tay bóp vào miệng, cổ của bà L2, dùng tay phải đâm một phát vào má, một phát vào gáy của bà L2 và nói: “Mày kêu lên, bố đâm chết”, đe dọa bà L2 xuống giường rồi dùng hai sợi dây giày trói ngược hai tay của bà L2 ra sau lưng, lấy hai vỏ gối trên giường, một cái nhét vào miệng và một cái đội lên đầu bà L2 để bà L2 không kêu được và không nhận dạng được D, đồng thời quát: “Tiền vàng của mày đâu, đưa đây không bố mày giết chết”. Những hành động, lời nói trên của D đối với bà L2 khiến cho bà L2 lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Thực tế D đã chiếm đoạt được của bà L2 số tiền 3.012.000đ. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại, biên bản hiện trường; lời khai của chính bị cáo và lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; vật chứng thu giữ được và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 20/11/2021 tại thôn L1, xã Đ, huyện K, Nguyễn Văn D đã có hành vi dùng tay đánh vào mặt và sau gáy, dùng dây buộc giày trói tay bà Nguyễn Thị L2 sinh năm 1950 nhằm chiếm đoạt số tiền 1.437.000đ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus trị giá 1.575.000đ. Tổng giá trị tài sản mà D chiếm đoạt của bà L2 là 3.012.000đ. Đối tượng mà bị cáo dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản là bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1950 đã ngoài 70 tuổi thuộc trường hợp người già yếu theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Nguyễn Văn D theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 39/CT-VKSKC, ngày 07/4/2022 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm đến hai khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ đó là quan hệ về tài sản và quan hệ nhân thân. Hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân trong việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe. Vì vậy, cần thiết phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Hủy hoại hoặc Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác” và “Xâm hại sức khỏe của người khác”. Tuy nhiên, sau khi bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật nêu trên bị cáo không biết ăn năn hối cải, lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, chính tỏ bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm: Mặc dù bị cáo phạm tội đối với bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1950 đã ngoài 70 tuổi, nhưng đã được tính là tình tiết định khung hình phạt nên không bị coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động đến gia đình để bố mẹ bị cáo là ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Đỗ Thị C tự nguyện khắc phục hậu quả thay cho bị cáo. Theo đó, ông Đ1 và bà C đã bồi thường cho bà L2 số tiền 1.000.000đ; Người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có thời gian hoạt động nghĩa vụ quân sự tại ngũ và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền cơ sở xác nhận. Vì vậy, cần áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật, nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, lần phạm tội này lại có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn. Do vậy, lần phạm tội này cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 20/11/2021 đến ngày 17/12/2021 là 27 ngày được đối trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù theo quy định tại Điều 38 của BLHS năm 2015. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về mức hình phạt và điều luật áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là đối tượng không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 6 Điều 168 của BLHS năm 2015 là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà L2 không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 tua vít, 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus tại rìa sông Mươi. Bà L2 tự nguyện giao nộp 02 vỏ gối, 04 đoạn dây buộc giày và 01 con dao; anh Đỗ Đình C2 giao nộp số tiền 1.000.000đ, anh Đỗ Nho C1 giao nộp số tiền 200.000đ; D giao nộp số tiền 230.000đ.

Ngày 20/11/2021, Cơ quan điều tra đã trao trả bà L2 01 điện thoại Iphone 6 Plus và số tiền 1.430.000đ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với: 01 chiếc tua vít của bị cáo là công cụ phương tiện phạm tội nhưng không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Đối với: 04 đoạn dây buộc giày và 02 vỏ gối, 01 con dao; 01 ví màu nâu xám, dạng khóa kéo, kích thước (9x14)cm được xác định là những đồ vật, tài sản có liên quan đến hành vi phạm tội của D nhưng là tài sản đồ dùng sinh hoạt hợp pháp của bà L2. Tuy nhiên, không có giá trị, bản thân bà L2 không có nhu cầu nhận lại nên cũng cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015;

Đối với: 01 điện thoại Nokia 1280 là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Đối với 02 chiếc USB gồm: 01 USB Kinhston màu trắng, dung lượng 02GB bên trong có file video tên camera ngõ; 01 USB Kingston màu trắng, dung lượng 02GB bên trong có file video tên camera nhà là tài liệu chứng cứ nên lưu tại hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình theo quy định Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điểm e khoản 2 Điều 168; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội: “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 07 (Bảy) năm tù, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20/11/2021 đến ngày 17/12/2021) là 27 ngày (Hai mươi bảy), còn phải thi hành 06 (Sáu) năm 11 (Mười một) tháng 03 (Ba) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về vật chứng trong vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 tua vít bằng kim loại tối màu dài 15cm, phần tay cầm bằng nhựa màu đen; 01 ví màu nâu xám, dạng khóa kéo, kích thước (9x14)cm; 04 đoạn dây giày màu xám, một đầu bọc nhựa có chiều dài lần lượt là 28cm, 32 cm, 34cm và 47 cm; 01 con dao dài 18 cm, phần tay cầm bằng gỗ được bọc nhựa màu xanh bên ngoài; 01 vỏ gối màu tím kích thước (40x58)cm, trên gối có dòng chữ “EVERONS”; 01 vỏ gối màu vàng kích thước (40x58)cm, trên gối có dòng chữ “LOVE”.

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 1280 màu xanh.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 32/QĐ-VKSKC ngày 07/4/2022 của VKSND huyện K).

Lưu tại hồ sơ vụ án 02 chiếc USB gồm: 01 USB Kinhston màu trắng màu trắng, dung lượng 02GB bên trong có file video tên camera ngõ; 01 USB Kingston màu trắng màu trắng, dung lượng 02GB bên trong có file video tên camera nhà.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án, phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/5/2022). Báo cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án, phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

TAND tỉnh Hưng Yên;

Nguyễn Thị T H

- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND huyện KC;*
- *Công an huyện KC;*
- *Chi cục THADS huyện KC;*
- *UBND xã Đ;*
- *Bị cáo, người bị hại, người liên quan;*
- *Lưu HSVA.*